

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HUNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Hưng Yên (sau đây gọi chung là Quỹ).
- Các nội dung chưa được quy định trong Quy chế này, được áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Đầu tư phát triển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quỹ Đầu tư phát triển Hưng Yên.
- Các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan.

Điều 3. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

- Tên gọi của Quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển Hưng Yên.
- Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Hung Yen Development Investment Fund, viết tắt là Hung Yen DIF.
- Địa chỉ trụ sở làm việc của Quỹ: Số 142 phố Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại, fax, trang điện tử:
 - Điện thoại: 0227.3839889; 0227.3658469
 - Fax: 0227.3839889

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật

- Quỹ Đầu tư phát triển Hưng Yên là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định 147/2020/NĐ-CP); Nghị quyết số 731/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Hưng Yên. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước khu vực và các Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện pháp luật của Quỹ là: Giám đốc Quỹ

Điều 5. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

2. Phạm vi hoạt động

a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP

c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP

d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: 303.000.000.000 đồng (Ba trăm linh ba tỷ đồng).

2. Thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ

a) Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ ghi tại Quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, đảm bảo mức vốn tối thiểu theo quy định.

b) Trường hợp cấp bổ sung vốn điều lệ từ Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ áp dụng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 7. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ,

hàng năm hoặc trong từng thời kỳ Quỹ đề xuất danh mục đầu tư, cho vay của Quỹ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Thực hiện các hoạt động huy động vốn, hoạt động đầu tư, hoạt động cho vay, hoạt động nhận ủy thác và ủy thác theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ

a) Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP

b) Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP

c) Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

đ) Tuân thủ quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Quyền hạn của Quỹ

a) Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật.

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

Chương II CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ

Điều 9. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ gồm có:

a) Hội đồng quản lý Quỹ: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên.

b) Ban Kiểm soát Quỹ: Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên.

c) Ban điều hành Quỹ, gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

2. Thâm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ, theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, được ủy quyền để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Tài chính.

c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Quỹ.

d) Các thành viên khác: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 12, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Việc kiện toàn Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý; thực hiện theo các quy định hiện hành về công tác tổ chức, cán bộ.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP và các quy định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh với tiêu chuẩn chức danh chính mà Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đang đảm nhiệm tại cơ quan nơi công tác.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

b) Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

c) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế khác của Quỹ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế đầu tư trực tiếp, Quy chế cho vay; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế quản lý tài sản bảo đảm tiền vay và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

d) Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

đ) Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

e) Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

f) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

g) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

h) Việc khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định của pháp luật;

i) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề đột xuất của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 12. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ.

2. Ban kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát Quỹ (thuộc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng) hoạt động kiêm nhiệm.

3. Việc kiện toàn Ban kiểm soát Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, thực hiện theo các quy định hiện hành về công tác tổ chức, cán bộ.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch thực hiện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

6. Việc khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định của pháp luật

Điều 13. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ theo quy định hiện hành.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền.

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng hoặc phó phòng/ban nghiệp vụ) và người lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

d) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý Quỹ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 14. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ

1. Phó giám đốc Quỹ

a) Phó giám đốc Quỹ có tối đa không quá 02 người, có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện: Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng đồng thời phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng; không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát Quỹ, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ; có đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

2) Kế toán trưởng Quỹ

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện chức năng nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

Điều 15. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm các Phòng, Ban nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng, ban nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành

3. Lãnh đạo các bộ phận nghiệp vụ và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Việc tuyển dụng lao động, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo của Quỹ được thực hiện theo quy chế tuyển dụng lao động do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Trên cơ sở biên chế được giao, đề án vị trí việc làm, Giám đốc Quỹ xây dựng kế hoạch tuyển dụng, xin ý kiến cấp có thẩm quyền trước khi tổ chức thực hiện; Xác định các vị trí, chức danh công việc, ký kết hợp đồng làm việc bảo đảm việc tuyển dụng, sử dụng lao động có hiệu quả, đúng quy định, gắn với quá trình sắp xếp lao động của Quỹ.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 16. Xây dựng và ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bao gồm: giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên cơ sở danh mục đề xuất của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

2. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

3. Trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hoạt động đầu tư

1. Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư bao gồm:

- a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.
- b) Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư.

d) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Quỹ không được đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

b) Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng.

3. Đối tượng, điều kiện đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

4. Giới hạn đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

5. Thẩm quyền quyết định đầu tư

a) Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư. Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Cấp nào quyết định đầu tư thì có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

Điều 18. Hoạt động cho vay

1. Đối tượng, điều kiện, thời hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

2. Lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

3. Giới hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

4. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Giám đốc Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị không quá 3% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm quyết định cho vay.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với dự án vay cho vay có giá trị từ trên 3% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm quyết định cho vay.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án vay cho vay có giá trị trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm quyết định cho vay và đảm bảo về giới hạn cho vay được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Điều lệ này.

5. Bảo đảm tiền vay và cho vay hợp vốn

Việc áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hoạt động cho vay, thực hiện cho vay hợp vốn theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

6. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại. Quỹ thành lập Hội đồng để xử lý rủi ro, xây dựng Quy chế xử lý rủi ro theo quy định tại Điều 30 Nghị định 147/2020/NĐ-CP

7. Quỹ xây dựng quy trình, thẩm quyền xử lý các trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, bán nợ, khoan nợ, xóa nợ.

Điều 18. Hoạt động nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 19. Hoạt động ủy thác

1. Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

Điều 20. Huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư, cho vay theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

- b) Phát hành trái phiếu Quỹ.
- c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ theo các hình thức quy định khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 21. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Việc xếp hạng Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

- a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán.
- b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.
- c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ thì không trích nữa.
- d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý.

đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 67 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định 147/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 22. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

1. Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp.
2. Quỹ đầu tư phát triển.
3. Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Bảo toàn an toàn vốn

1. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn vốn và tài sản theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về biến động vốn chủ sở hữu của Quỹ.

2. Việc bảo toàn vốn được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 30 Nghị định 147/2020/NĐ-CP và trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 24. Kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm

1. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động 05 năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm để Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Kế hoạch tài chính hàng năm bao gồm: kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch hàng năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm tiếp theo.

b) Trước ngày 30 tháng 4 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch tài chính năm để Quỹ triển khai, thực hiện

Điều 25. Chế độ báo cáo của Quỹ

1. Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 26. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ; đánh giá hiệu quả hoạt động người quản lý của Quỹ theo quy định của Nghị định 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ này.

Chương V

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, XỬ LÝ TRANH CHẤP VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 27. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

1. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi phương án giải thể Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Việc giải thể Quỹ theo quy định và quy trình tại Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47 Nghị định 147/2020/NĐ-CP.

Điều 28. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ

Trong quá trình thực hiện Điều lệ, Quỹ có trách nhiệm nghiên cứu tổng hợp. Nếu xét thấy cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động của Quỹ, Quỹ xây dựng nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lấy ý kiến của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan, tổ chức có liên quan và báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 30. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Giám đốc Quỹ trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý là cơ quan trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể.

2. Ban kiểm soát Quỹ, thực hiện kiểm soát hoạt động của Quỹ định kỳ theo quy định. Giám đốc Quỹ cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát Quỹ và kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ. Tại các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ phải có sự tham dự của Ban kiểm soát Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tham mưu cho Hội đồng

quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 31. Mọi quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh
 - a) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động của Quỹ theo quy định;
 - b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình hoạt động của Quỹ theo yêu cầu;
2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh
 - a) Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ;
 - b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.
3. Với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường
 - a) Phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh;
 - b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan, đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao;
 - c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát, thanh tra của một số cơ quan, đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.
4. Với khách hàng là các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư
 - a) Là mối quan hệ đối tác, hợp tác đôi bên cùng có lợi trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên theo quy định của pháp luật.
 - b) Quỹ có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục vay vốn của Quỹ nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng kịp thời, đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hợp tác đôi bên cùng có lợi, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư, cho vay đã được ký kết trước khi Điều lệ này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi hợp đồng được thanh lý. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các hợp đồng này thì thực hiện theo quy định của Điều lệ này.

2. Sau khi Điều lệ được ban hành, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng các Quy chế theo quy định, trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trong thời gian chưa ban hành mới Quy chế, Quỹ thực hiện các quy định theo Điều lệ này và pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 33. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Quỹ Đầu tư phát triển

Tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ này, trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Quỹ tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quyết định này cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các quỹ ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 12

Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay của Quỹ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục để Quỹ thực hiện các dự án đầu tư theo quy định. Thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao

5. Sở Nội vụ

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng công ty và xếp lương đối với Quỹ.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao./.